

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /5/2025 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.409.309
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.409.309
1	Nguồn ngân sách trong nước	1.409.309
1.1	Chi quản lý hành chính	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.409.309
	Kinh phí thực hiện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo các Nghị định của Chính phủ số: 177/2024/NĐ-CP, 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP	1.409.309

Đơn vị: Sở Xây dựng Quảng Ngãi

Chương: 419

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /5/2025 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Sở Xây dựng	Thanh tra Sở
1	2	3	4=5+6+...	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.327.376	10.327.376	1.409.309	8.918.067
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.327.376	10.327.376	1.409.309	8.918.067
1	Nguồn ngân sách trong nước	10.327.376	10.327.376	1.409.309	8.918.067
1.1	Chi quản lý hành chính				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.327.376	10.327.376	1.409.309	8.918.067
a	Kinh phí thực hiện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo các Nghị định của Chính phủ số: 177/2024/NĐ-CP, 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP	10.327.376	10.327.376	1.409.309	8.918.067

|